CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP In Sách Giáo Khoa tại Thành phố Hà Nội

Ngày 31/03/2025	13,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.0%	**-9.1%**	**23.9%**

DT thuần
Q1/25
3.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.36| -70.8%
YoY: ▼6.56| -68.3%

LN thuần
Q1/25
-0.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.11| -125%
YoY: ▼0.01| -126%

LN sau thuế
Q1/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.56| -100%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
0.0%
YoY: +/-▼ 6.9%

ROE (TTM)
Q1/25
5.6%
YoY: +/-▲ 0.0%

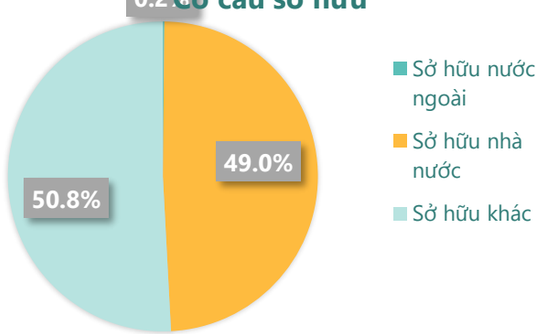
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	9,667 - 16,654
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28
Số lượng CPLH (CP)	2,095,985
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,520
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	
EPS	677
P/E	19.8

DT thuần
2024
40.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.90| -4.4%

LN thuần
2024
0.96
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.47| -32.5%

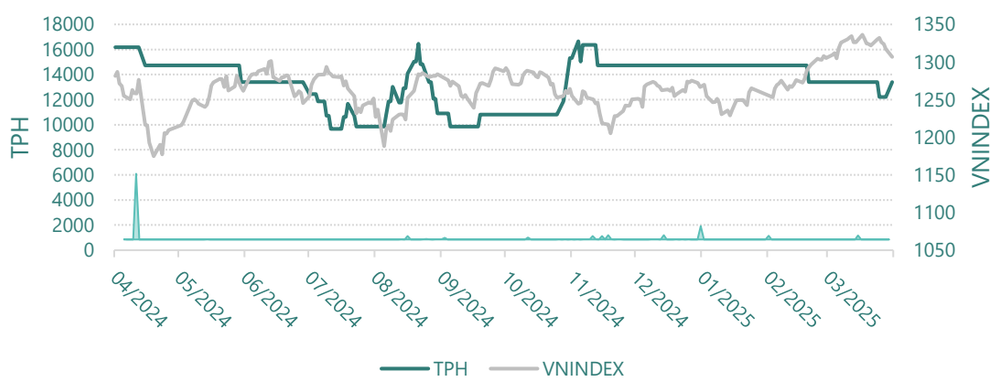
LN sau thuế
2024
1.39
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.27| -16.1%

Cơ cấu sở hữu

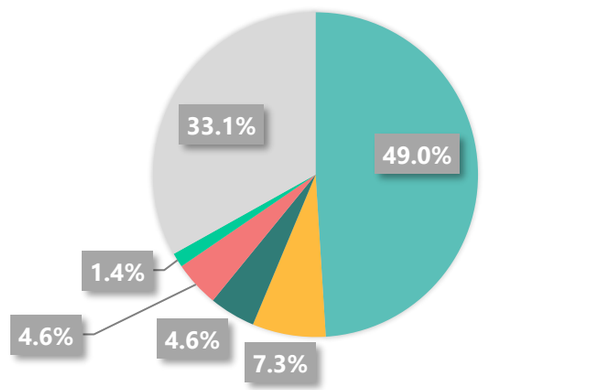


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



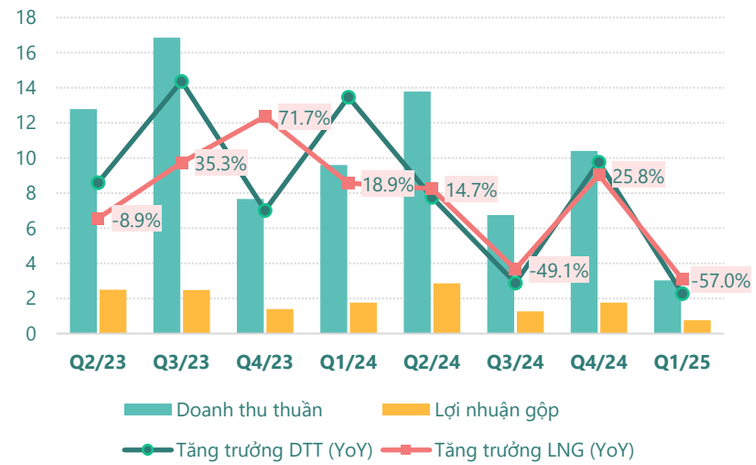
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

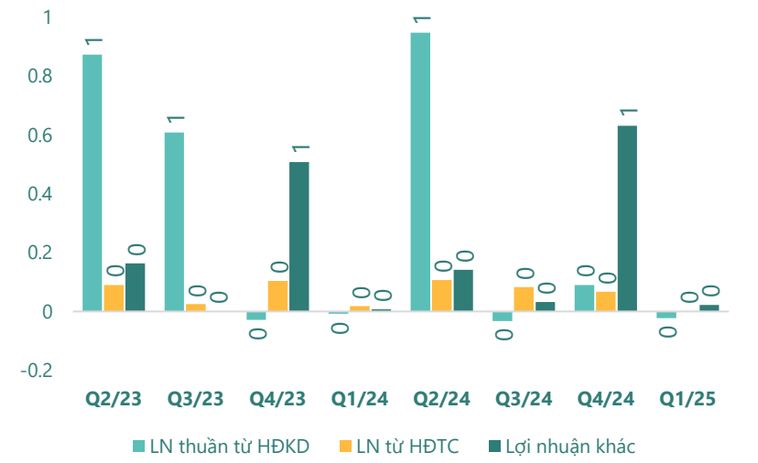
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



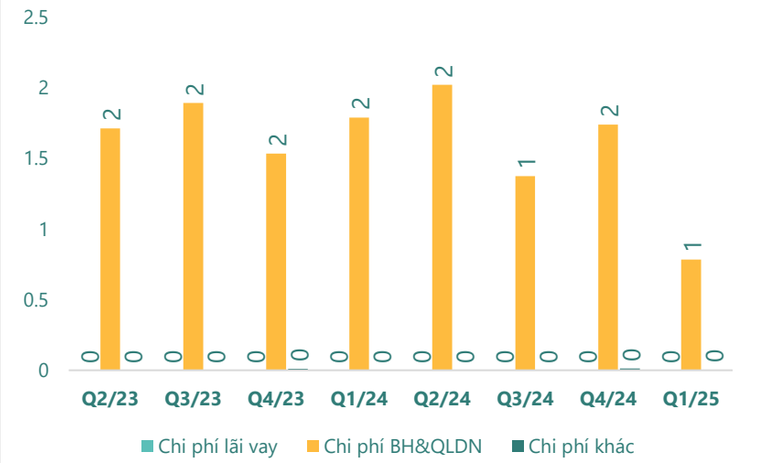
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



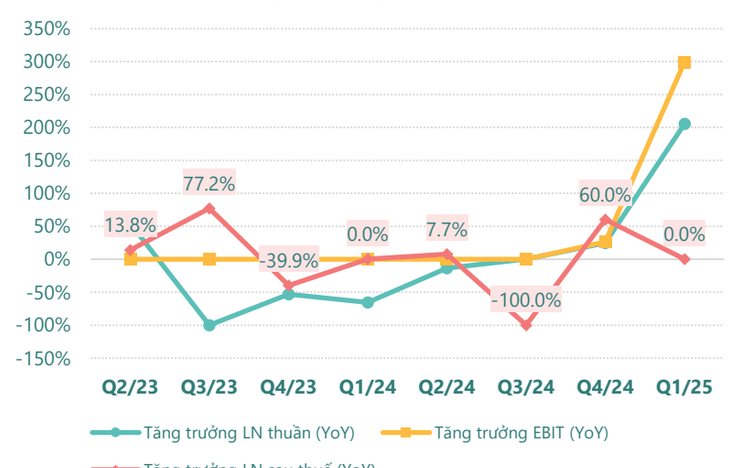
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



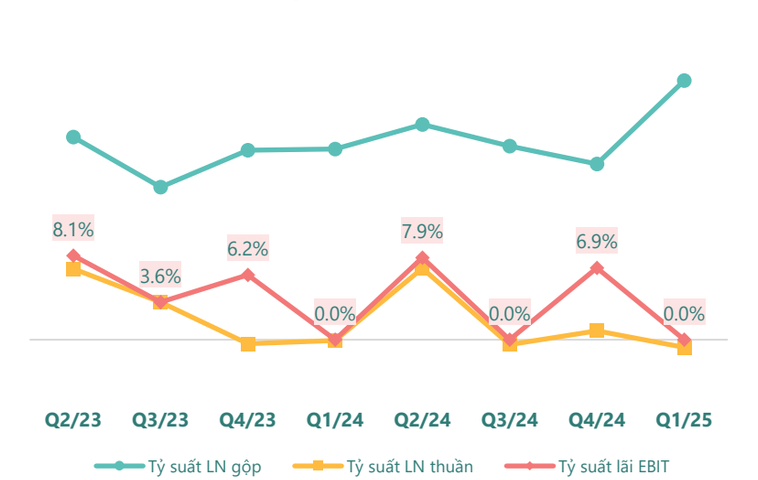
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



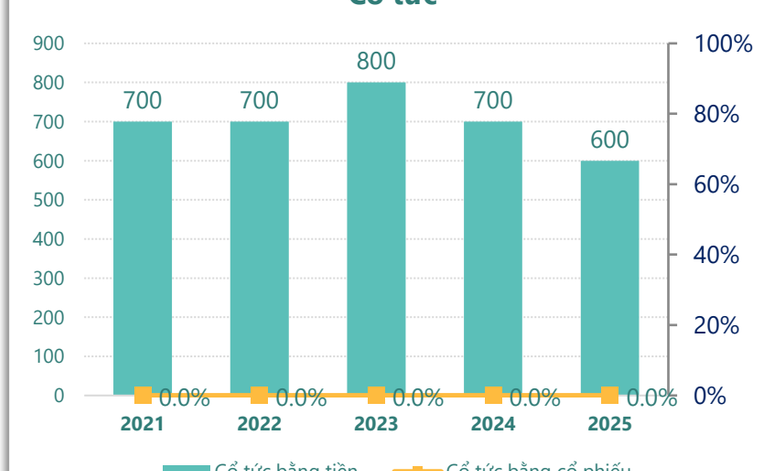
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

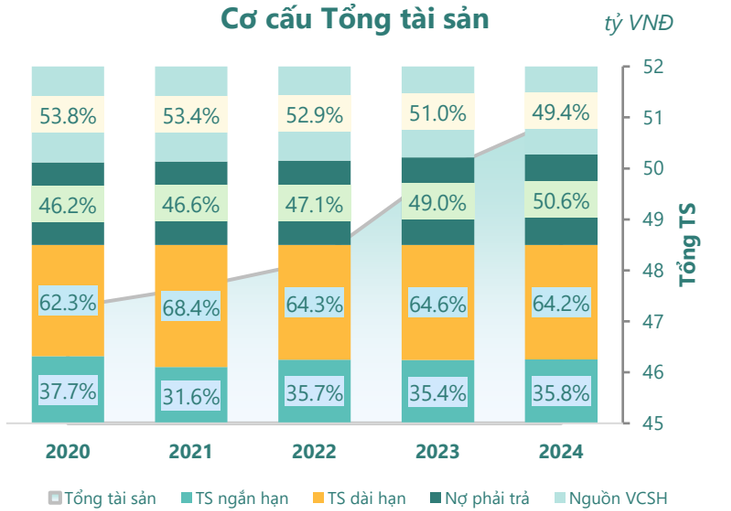
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

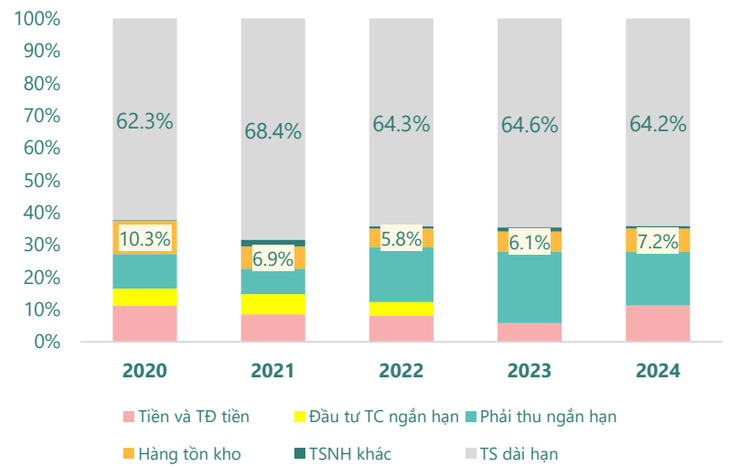
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



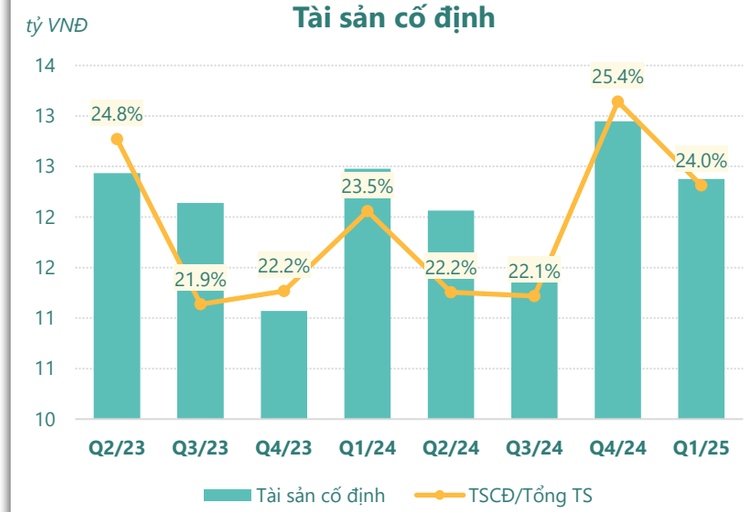
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



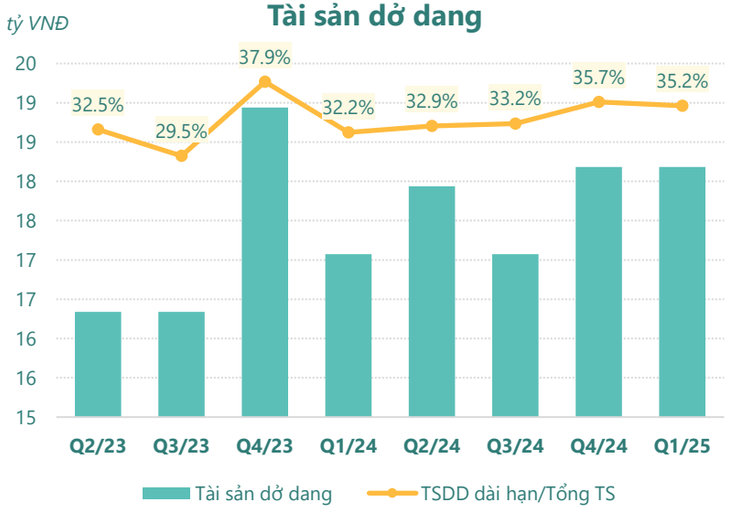
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



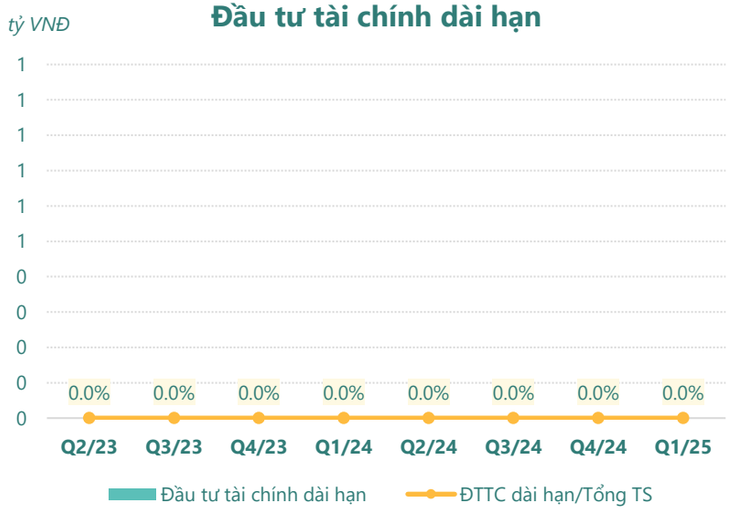
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



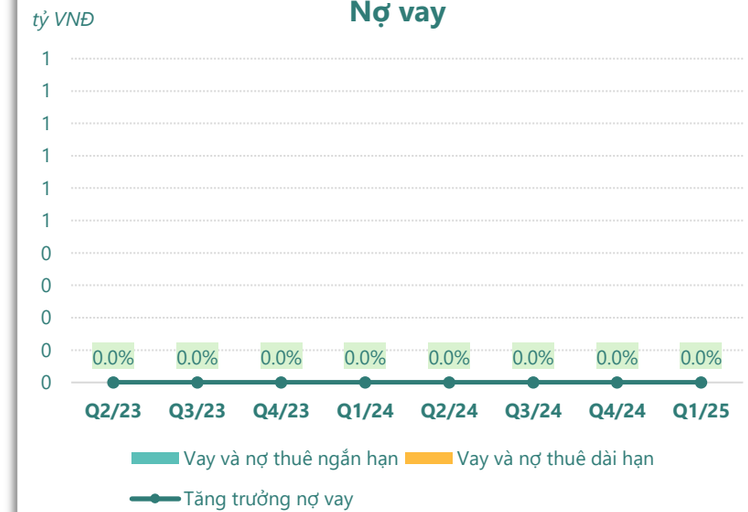
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

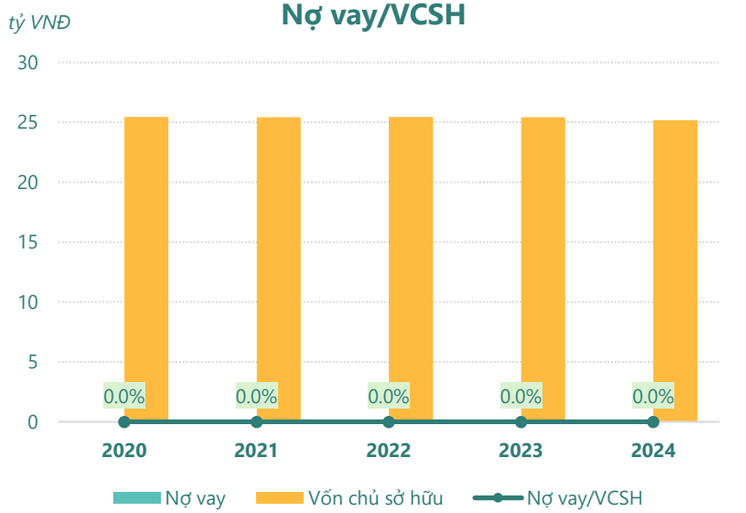
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

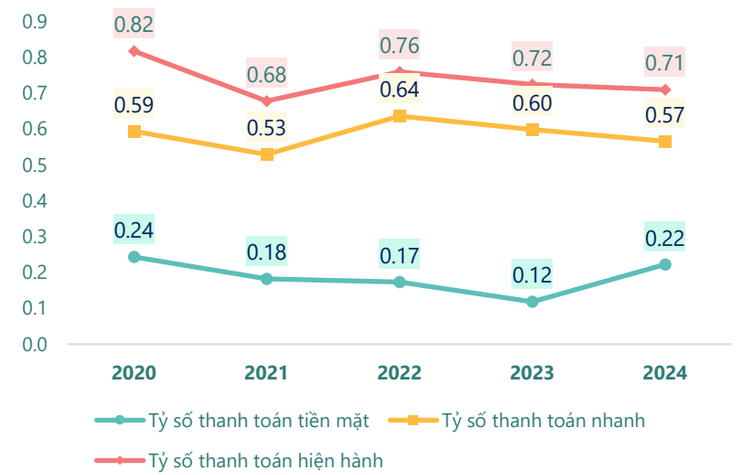
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



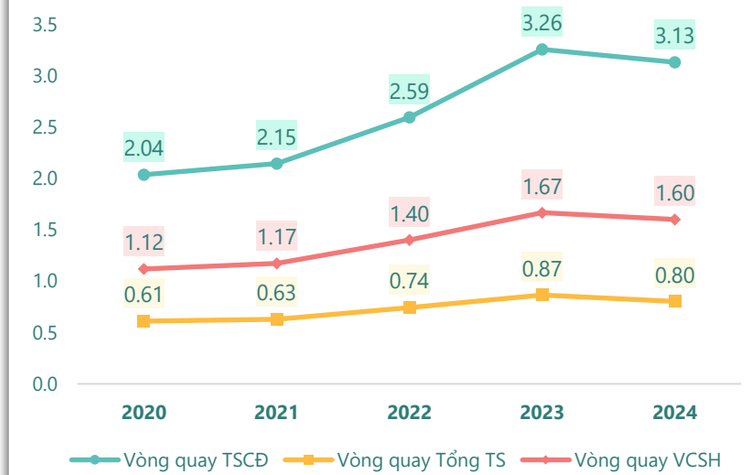
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



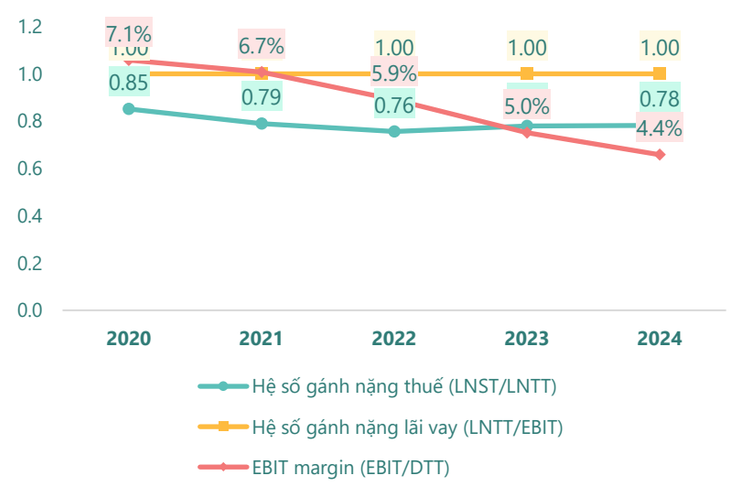
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



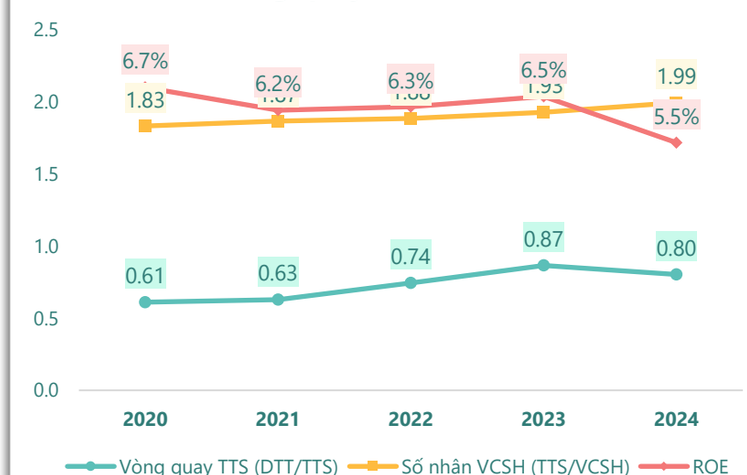
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



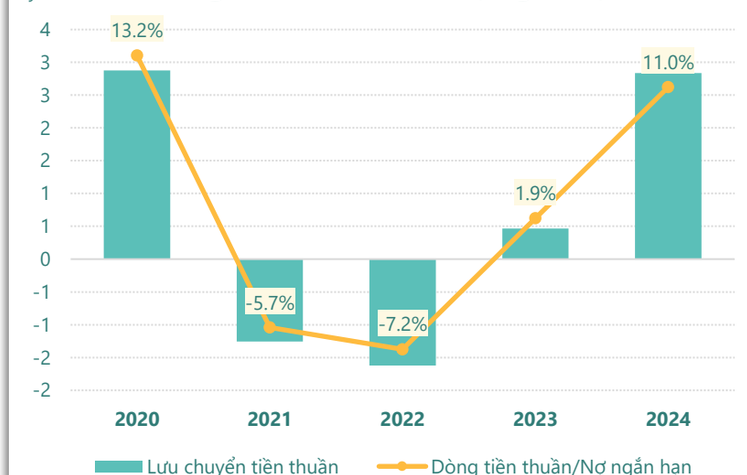
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.04**	**9.60**	**-68.3%**	**40.5**	**42.4**	**-4.4%**
Giá vốn hàng bán	2.28	7.83	-70.9%	32.9	34.6	-4.8%
Lợi nhuận gộp	0.76	1.77	-57.1%	7.65	7.86	-2.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.02	-90.7%	0.28	0.26	6.9%
Chi phí TC	0.00	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.02	0.19	-90.1%	0.50	0.19	168%
Chi phí QLDN	**0.76**	**1.60**	**-52.2%**	**6.47**	**6.51**	**-0.6%**
LN thuần từ HĐKD	-0.02	-0.01	-126%	0.96	1.43	-32.5%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**0.01**	**126%**	**0.81**	**0.70**	**16.9%**
LN trước thuế	0	0.00		1.78	2.13	-16.3%
Lợi nhuận sau thuế	**0**	**0.00**		**1.39**	**1.66**	**-16.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0**	**0.00**		**1.39**	**1.66**	**-16.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.80	1.02	3.65	-1.53	-0.34	-0.65
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.43	-0.20	-0.72	-2.22	4.61	-2.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	0	-1.42	-0.05	0.03	0
Tiền đầu kỳ	3.53	2.89	3.71	5.22	1.43	5.72
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.64**	**0.82**	**1.52**	**-3.79**	**4.30**	**-2.84**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.89	3.71	5.22	1.43	5.72	2.88

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**51.6**	**51.0**	**1.3%**
Tài sản ngắn hạn	19.7	18.3	7.9%
Tiền và tương đương tiền	2.88	5.72	-49.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9.35	8.46	10.5%
Hàng tồn kho	7.20	3.70	94.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.39	-29.2%
Tài sản dài hạn	**31.9**	**32.7**	**-2.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.4	12.9	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.2	18.2	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.37**	**1.59**	**-13.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26.5	25.8	2.5%
Nợ ngắn hạn	**26.4**	**25.7**	**2.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.64	4.28	55.2%
Nợ dài hạn	0.05	0.05	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**25.2**	**25.2**	**0.0%**
Vốn chủ sở hữu	**25.2**	**25.2**	**0.0%**
Vốn điều lệ	21.0	21.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)